Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: .../.../..

**BÀI 2:  VẺ ĐẸP CỔ ĐIỂ**

**MỤC TIÊU CHUNG**

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua VB.

- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh, biện pháp tu từ đảo ngữ.

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội

- Biết yêu quý, trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực nhận biết được một số yếu tố thi luận của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyết Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối

**3. Phẩm chất:**

- Biết yêu quý trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi gợi mở: Em đã học những thể thơ nào? Nêu tên và đặc điểm của thể thơ đó

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn: Thơ ca là sáng tạo đặc biệt của con người. Nó là những sợi tơ rút ra từ cuộc sống và quay trở lại trang điểm cho cuộc sống bằng vẻ đẹp muôn màu của nó. Thơ ca đã có mặt cùng với sự phát triển của nhân loại suốt bao thời kì lịch sử và người ta cũng bắt đầu chú ý đến những vai trò, tác dụng kì diệu của nó đối với cuộc sống, đối với tâm hồn con người. Ngoài những thể thơ các em đã được học trước đó, hôm nay cô và các em sẽ cùng tìm hiểu về một thể thơ với những yếu tố thi luật vô cùng đặc sắc qua chủ đề: Vẻ đẹp cổ điển

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề *Vẻ đẹp cổ điển* và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.

**b. Nội dung:** GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ điểm bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh thực hiện đọc phần giới thiệu bài học trng 38 – SGK  - GV đặt câu hỏi: Em hiểu như thế nào về việc đưa văn hóa, những vẻ đẹp cổ điển vào văn học?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chia sẻ câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Câu trả lời của học sinh  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia nhiệm vụ của lớp  - GV chốt kiển thức về chủ đề bài học 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Giới thiệu bài học.**  Có thể nói nền văn hoá, văn học của một dân tộc là mạch nguồn sâu xa nuôi dưỡng trí tuệtâm hồn con người. Vì vậy, hiểu biết, đón nhận và gìn giữ những di sản tinh thần của ông cha là trách nhiệm thiêng liêng với cộng đồng và với bản thân mỗi chúng ta.  Đến với những bài thơ Đường luật trong bài học này, em sẽ được khám phá những vẻ đẹp cổ điển đặc sắc của nền văn học dân tộc. Các tác giả đã sử dụng thể thơ Đường luật một cách nhuần nhuyễn và sáng tạo để ngợi ca cảnh sắc quê hương xứ sở và thể hiện bản sắc tâm hồn Việt. Văn bản thông tin kết nối về chủ để giúp em hiểu thêm những vẻ đẹp ấy qua một hình thức sinh hoạt văn hoa độc đáo |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS hiểu được khái niệm của thơ Đường luật, Thất ngôn bát cú Đường luật, Tứ tuyệt Đường luật, biện pháp đảo ngữ, từ tượng hình và từ tượng thanh

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thơ Đường luật, Thất ngôn bát cú Đường luật, Tứ tuyệt đường luật**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về những tri thức về thể thơ.  - GV đặt câu hỏi mở rộng:  *Em hãy chỉ ra sự khác nhau giữa hai thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật và Tứ tuyệt Đường luật*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.  - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  ***Dự kiến sản phẩm làm nhóm đôi:***  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tri thức Tiếng Việt về biện pháp đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 40) về biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh, sau đó GV yêu cầu HS ghi chép những ý chính về đặc điểm, tác dung của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh được trình bày trong mục *Tri thức Ngữ Văn.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi chép  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Phần ghi chép của HS  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Tri thức Ngữ văn**   1. ***Thơ Đường luật***   ***Thơ Đường luật*** là thuật ngữ chỉ chung các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật) định hình từ thời nhà Đường (Trung Quốc), gồm hai thể chính là bát cú Đường luật và tứ tuyệt Đường luật, trong đó thất ngôn bát cú (mỗi câu thơ có 7 tiếng, mỗi bài thơ có 8 câu) được xác định là dạng cơ bản nhất.  - Bài thơ Đường luật có quy định ***nghiêm ngặt về hòa thanh*** (phối hợp, điều hòa thanh điệu), về niêm, đối, vần và nhịp.  - ***Ngôn ngữ thơ Đường luật*** rất cô đọng, hàm súc; bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình; ý thơ thường gắn với mối liên hệ giữa tình và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn,…  **2. Thất ngôn bát cú Đường luật**  ***- Về bố cục:*** bài thơ thất ngôn bát cú gồm bốn cặp câu thơ, thường tương ứng với bốn phần: đề (triển khai ẩn ý chứa trong nhan đề), thực (nói rõ các khía cạnh chính của đối tượng được bài thơ đề cập), luận (luận giải, mở rộng suy nghĩ về đối tượng), kết (thâu tóm tinh thần của cả bài, có thể kết hợp mở ra những ý tưởng mới).  - Khi đọc hiểu, cũng có thể vận dụng cách chia bố cục bài thơ thành hai phần: bốn câu đầu, bốn câu cuối hoặc sáu câu đầu, hai câu cuối.  ***- Về niêm và luật bằng trắc:*** Bài thơ phải sắp xếp thanh bằng, thanh trắc trong từng câu và cả bài theo quy định chặt chẽ. Quy định này được tính từ chữ thứ 2 của câu thứ nhất: nếu chữ này là thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng, là thanh trắc thì bài thơ thuộc luật trắc. Trong mỗi câu, các thanh bằng, trắc đan xen nhau đảm bảo sự hài hòa, cân bằng, luật quy định ở chữ thứ 2, 4, 6; trong mỗi cặp câu (liên), các thanh bằng, trắc phải ngược nhau. Về niêm, hai cặp câu liền nhau được “dính” theo nguyên tắc: chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8 phải cùng thanh.  ***- Về vần và nhịp***: Bài thơ thất ngôn bát cú chỉ gieo vần là vần bằng ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; riêng vần của câu thứ nhất có thể linh hoạt. Câu thơ trong bài thất ngôn bát cú thường ngắt theo nhịp 4/3.  **- Về đối:** Bài thơ thất ngôn bát cú chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận.      **3. Tứ tuyệt Đường luật**  Mỗi bài tứ tuyệt Đường luật có bốn câu, mỗi câu có năm chữ hoặc bảy chữ. Về bố cục, nhiều bài thơ tứ tuyệt triển khai theo hướng: khởi (mở ý cho bài thơ), thừa (tiếp nối, phát triển ý thơ), chuyển (chuyển hướng ý thơ), hợp (thâu tóm ý tứ của toàn bài). Về luật thơ, bài thơ tứ tuyệt cơ bản vẫn tuân theo các quy định như ở bài thơ thất ngôn bát cú nhưng không bắt buộc phải đối.  **4. Biện pháp tu từ đảo ngữ**  Đảo ngữ là biện pháp tu từ được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh đặc điểm (màu sắc, đường nét,…), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói).  **5. Từ tượng hình và từ tượng thanh**  Từ tượng hình là từ gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật, từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người. Các từ tượng hình, từ tượng thanh có giá trị gợi hình ảnh, âm thanh và có tính biểu cảm, làm cho đối tượng cần miêu tả hiện lên cụ thể, sinh động. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố và vận dụng những kiến thức về bài *Vẻ đẹp cổ điển phần tri thức ngữ văn* để giải quyết bài tập.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn.*

+ Soạn bài: ***Thu điếu***

**TIẾT  : VĂN BẢN 1: THU ĐIẾU**

**(NGUYỄN KHUYẾN)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.

- HS cảm nhận được vẻ đẹp của cảnh thu điển hình cho mùa thu làng cảnh Việt Nam vùng đồng bằng Bắc Bộ.

- Thấy được tài năng thơ Nôm của Nguyễn Khuyến: nghệ thuật tả cảnh, tả tình, gieo vần, sử dụng từ ngữ,…

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thu điếu.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của bài thơ.

- Năng lực phân tích, bình giảng bài thơ, đọc diễn cảm và phân tích tâm trạng trong thơ trữ tình.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp giáo dục HS về tình yêu thương quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Thiết bị trình chiếu

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV gợi mở vấn đề, cho HS chia sẻ: *Em yêu thích mùa nào trong năm? Liệt kê một số từ ngữ em muốn dùng để miêu tả vẻ đẹp của mùa đó.*

- GV chiếu cho HS quan sát bức tranh và yêu cầu trả lời câu hỏi: *Em có nhận xét gì về người trong* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**

- GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dặt vào bài học mới: *Thu là thơ của đất trời, thơ là thu của lòng người và mùa thu là đề tài quen thuộc của thi nhân từ xưa đên nay. Và nhiều tác giả có những vần thơ nổi tiếng về mùa thu như Tiếng thu (Lưu trọng Lư), Cảm thu, Tiễn thu (Tản Đà), Đây mùa thu tới( Xuân Diệu),… Và hôm nay ta sẽ đến với cảnh thu điển hình của làng cảnh Việt Nam: mùa thu ở Bắc Bộ qua bài Thu điếu (Nguyễn Khuyến).*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm Thu điếu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Thu điếu*.

**c. Sản phẩm:** HS nêu được một số nét về tác giả Thanh Tịnh và thông tin tác phẩm *Thu điếu*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về khái niệm và đặc điểm của thể thơ Đường luật thất ngôn bát cú**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -       GV mời đại diện các nhóm dựa vào nội dung đã học ở nhà:  + Trình bày hiểu biết của em về thơ Đường luật và thể thơ thất ngôn bát cú?  + Trình bày bằng sơ đồ về cách gieo vần thể thơ Thất ngôn bát cú?  -   Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  -   Các nhóm thảo luận để vẽ sơ đồ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 nhóm lên bảng vẽ sơ đồ, yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.    **Bước 5: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Thông tin tác giả, tác phẩm trong SGK, tóm tắt những ý chính.  Giáo án Thu điếu (Kết nối tri thức 2023) | Giáo án Ngữ văn 8 (ảnh 2)  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 6: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính.  **Bước 7: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 2 HS trình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 8: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  - GV bổ sung thêm:  + Nguyễn Khuyến là bậc túc nho tài, có cốt cách thanh cao, có lòng yêu nước thương dân nhưng bất lực trước thời cuộc.  + Ông được mệnh danh là “nhà thơ của dân tình làng cảnh Việt Nam”.  **Nhiệm vụ 2: Đọc văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -       GV đặt câu hỏi yêu cầu HS chia 3 nhóm để trả lời câu hỏi:    + **Nhóm 1:** Trình bày hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Khuyến?  **+ Nhóm 2**: Cho biết hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm Thu điếu?  **+ Nhóm 3:** Ý nghĩa nhan đề cùng với bố cục bài thơ?  -        HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  -        HS đọc thông tin trong SGK chuẩn bị trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời các nhóm HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1.   Thơ đường luật và thể thơ thất ngôn bát cú**  **a.    Khái niệm**  -     Thơ đường luật  Thơ đường luật hay còn gọi là thơ cận thể hay thơ cách luật. Là một loại thơ làm theo luật thơ được đặt ra từ thời nhà Đường bao gồm có 3 loại: thơ bát cú (mỗi bài 8 câu), thơ tứ tuyệt ( mỗi bài 4 câu), thơ bài luật ( dạng kéo dài của thơ Đường luật). Trong đó điển hình nhất là thơ thất ngôn bát cú.  + Ngôn ngữ thơ đường luật rất cô đọng, hàm súc. Bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình. Ý thơ gắn với mối liên hệ giữa tình và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn….  -         Thơ thất ngôn bát cú  + Về bố cục: Bài thơ gồm có bốn cặp câu thơ tương ứng 4 vế: đề- thực- luận – kết.   Hai câu đề: triển khai ý ẩn chứa trong nhan đề  ·        Hai câu thực: Giải thích rõ các khía cạnh chính của đối tượng được miêu tả bàn luận  ·        Hai câu luận: luận giải phát triển, mở rộng suy nghĩ về đối tượng.  ·        Hai câu kết: Thâu tóm tinh thần của toàn bài và có thể mở ra những ý tưởng, liên tưởng mới.  + Về niêm và luật bằng trắc: Bài thơ sắp xếp thanh bằng trắc trong từng câu và cả bài theo quy định chặt chẽ để tạo sự phong phú cho điệu thơ.  ·      Về niêm: hai cặp câu liền nhau được dính theo nguyên tắc chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3, câu 4, câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8 phải cùng thanh.  + Về vần nhịp: Bài thơ thất ngôn bát cú chỉ gieo một vần và gieo vần bằng.  + Về đối: bài thơ thất ngôn bát cú chủ yếu đối ở hai câu thực và hai câu luận, cũng có bài chỉ đối ở một liên hoặc ở ba, bốn liên.  **b.   Sơ đồ cách gieo vần, niêm luật của thể thất ngôn bát cú**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Đối | | 1 | B-B-T-T-T-B-B | Câu 1 và 8 | B |  | | 2 | T-T-B-B-T-T-B | Câu 2 và 3 | B |  | | 3 | T-T-B-B-B-T-T-T |  | | 4 | B-B-T-T-T-B-B | Câu 4 và 5 | B | Đối | | 5 | B-B-T-T-B-B-T |  | | 6 | T-T-B-B-T-T-B | Câu 6 và 7 | B | Đối | | 7 | T-T-B-B-B-T-T |  | | 8 | B-B-T-T-T-B-B | Câu 8 và 1 | B |  |   ***2.Đọc văn bản***  **a. Tác giả**  - Nguyễn Khuyến.  - Năm sinh – năm mất: 1835 – 1909.  - Quê ở xã Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.  - Thơ của ông thể hiện tình cảm thiết tha gắn bó với quê hương và ẩn chứa tâm sự yêu nước cùng nỗi u uẩn trước thời thế.  - Ông sáng tác bằng cả chữ Hán và chữ Nôm.  **b. Bài thơ Thu điếu**  - Vị trí : Bài thơ “Câu cá mùa thu” là một trong chùm ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến.  - Đề tài: Viết về đề tài mùa thu – đề tài quen thuộc.  - Hoàn cảnh sáng tác: Viết trong thời gian khi Nguyễn khuyến về ở ẩn tại quê nhà.  - Bố cục:  + Hai câu đề: Quang cảnh mùa thu.  + Hai câu thực: Những chuyển động nhẹ nhàng của mùa thu.  + Hai câu luận: Bầu trời và không gian làng quê..  + Hai câu kết: Tâm trạng của nhà thơ.  - Về niêm: Chữ thứ 2 của câu 2 và 3 (chiếc – biếc), câu 4 và câu 5 (vàng – mây), câu 6 và 7 (trúc – gối), câu 1 và câu 8 (thu – đâu) cùng thanh.  - Về luật bằng trắc: Bài thơ luật bằng. (Do chữ thứ 2 của câu thứ nhất “thu” thanh bằng).  - Nhan đề: Thu điếu có nghĩa là “Câu cá mùa thu”. Việc câu cá là cái cớ, cái hoàn cảnh, cái chỗ để nói về mùa thu, để thưởng thức mùa thu. Mùa thu, nhất là mùa thu ở làng quê, vốn đẹp, nhưng mùa thu, cảnh thu ngắm từ vị trí người câu cá, thưởng thức từ tâm trạng người ngồi câu cá, lại có cái đẹp, cái thú riêng. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu:**Nhận biết và phân tích được văn bản *Thu điếu.*
2. **Nội dung:**Sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản *Thu điếu.*
3. **Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Thu điếu*.
4. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Bức tranh thiên nhiên mùa thu của Bắc Bộ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV cho HS đọc bài thơ và trả lời các câu hỏi sau:  **+***Bức tranh thiên nhiên mùa thu Bắc Bộ được tái hiện ở những không gian nào? Nhận xét về trình  tự miêu tả những không gian đó?*  ***+****Để nói về vẻ đẹp điển hình của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ tác giả đã dùng những từ ngữ miêu tả hình dáng, màu sắc, âm thanh ra sao? Hãy chỉ ra nét đặc sắc về cách dùng từ ngữ của Nguyễn Khuyến?*  *+ em có nhận xét gì về đặc điểm thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú được thể hiện trong bài thơ Thu điếu?*  -       GV cho HS đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả  -       HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  -       Hs làm việc theo cặp đôi hoặc đọc lại văn bản theo yêu cầu suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -       GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  -        GV nhận xét đánh giá chốt kiến thức    ·        **GV bổ sung**  Căn cứ vào sơ đồ gợi ý về cách gieo vần của thể thơ thất ngôn bát cú đã cung cấp ở trên HS có thể nhận xét cách gieo vần cũng như niêm luật bài thơ ***Thu điếu.*** | **II.    Tìm hiểu chi tiết**  **1.      Bức tranh thiên nhiên mùa thu Bắc Bộ**  Bức tranh thiên nhiên mùa thu Bắc Bộ được tái hiện lần lượt thông qua các không gian, trình tự được thể hiện qua 6 câu thơ đầu như sau**:**  **a.      Hai câu đề**  *“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*  *Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo”*  ·          Khung cảnh: ao thu, chiếc thuyền câu là những hình ảnh vô cùng bình dị, gần gũi và thân thuộc với quê hương.  ·          Không gian mùa thu  mở ra một cách bát ngát mà mùa thu lại hẹp lại trên một ao thu rồi đến “một” chiếc thuyền câu đã bé lại càng trở nên bé hơn như muốn thu mình vào cảnh “bé tẻo teo”. Số từ “một” kết hợp với tính từ “bé tẻo teo” càng tô đậm sự mênh mông của không gian và sự cô quạnh của trời đất vào thu.  Điểm nhìn đi từ cái bao quát đến cận cảnh: Từ ao thu đến chiếc thuyền câu.  Đường nét sắc thái tinh tế của cảnh thu được bộc lộ qua hệ thống các từ láy “ lạnh lẽo”, “tẻo teo”; cùng với “trong veo” => Cảnh thu vắng lạnh, lại có chút gì đó đìu hiu.  ð    Cảnh thu hiện lên vô cùng quen thuộc đối với làng quê Bắc Bộ nhưng lại đìu hiu, vắng, lạnh và cái lạnh dường như thấm vào cả không gian. Phải chăng cái lạnh của không gian cũng chính là cái lạnh của lòng người?  **b.      Hai câu thực**  “*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí*  *Lá vàng trong gió khẽ đưa vèo”*  Sắc trời mùa thu Bắc Bộ được gợi tả qua các nét:  + Sắc màu: màu xanh biếc của sóng nước và sắc vàng của lá hòa thành một màu sắc kì diệu của trời thu.  + Đường nét: gió thu thoáng nhẹ, sóng gợn nhẹ nhàng, lá vàng trong gió bay khẽ khàng… Càng tô đậm thêm sự tĩnh lặng của mùa thu.  ð    Nghệ thuật lấy động tả tĩnh lấy cái gợn của gió, cái bay của lá để nhấn mạnh sự tĩnh lặng của thiên nhiên mùa thu.  ð    Phác họa mùa thu với những màu sắc hài hòa không gian tĩnh lặng với bao nhiêu những cử động nhưng vẫn im lìm, mỏng manh và nhỏ nhẹ. Để có thể cảm nhận những rung động mơ hồ, khe khẽ của vạn vật đất trời chắc chắn tác giả phải là người hòa điều với thiên nhiên, và say đắm với nó mới có thể diễn tả một cách chân thực như vậy.  **c.      Hai câu luận**  *“Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt*  *Ngõ trúc quanh co khách vắng teo”*  Bước sang 2 câu luận dường như điểm nhìn của nhà thơ đã có sự mở rộng về chiều cao, chiều sâu và chiều rộng. Từ điểm nhìn là chiếc thuyền câu bé tí teo với một chiếc ao thu tác giả đưa tầm mắt lên “tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt”, “ngõ trúc quanh co”.  + Việc miêu tả trời thu xanh ngắt càng khiến mùa thu trở nên lắng đọng và tĩnh lặng hơn. Sắc xanh của nước ao thu với sắc trời như hòa quyện với nhau lại càng tô điểm thêm sự lạnh lẽo của không gian.  + Không gian mùa thu càng được tô điểm với  hình ảnh cảnh vật đìu hiu ngõ trúc “quanh co”, “khách vắng teo”=> Không gian tĩnh lặng, vắng bóng người, vắng tiếng, gần như là tuyệt đối.  ð    Cảnh thu với sắc xanh của bầu trời thu, nhưng không khí thu dường như ngưng đọng lại trong khoảnh khắc không người, không tiếng động… Phải chăng cảnh thu đã được vẽ bởi bao vấn vương mang những cảm nhận tâm trạng của thi nhân?  **d/ Hai câu kết:**  Hình ảnh của ông câu cá trong không gian thu tĩnh lặng và tâm trạng u buồn trước thời thế. - Trong cái không khí se lạnh của thôn quê bỗng xuất hiện hình ảnh một người câu cá:  -Tựa gối ôm cần....Cá đâu đớp động.+ “ Buông”: Thả ra( thả lỏng)  đi câu để giải trí,để ngắm cảnh MT+ Tiếng cá “đớp động dưới chân bèo”-> sự chăm chú quan sát của nhà thơ trong không gian yên tĩnh của mùa thu.  **2. Nghệ thuật:**  - Bút pháp thuỷ mặc Đường thi và vẻ đẹp thi trung hữu hoạ của bức tranh phong cảnh;  - Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.  **3. Ý nghĩa văn bản.**  Vẻ đẹp của bức tranh mùa thu, tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của tác gả. |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**- Mục tiêu:** hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được.

- **Phương pháp:** Vấn đáp

- **Thời gian:** 5p

**Hoạt động của GV - HS**

**GV giao nhiệm vụ:**

**Câu hỏi 1:** Nội dung của sáu câu đầu trong bài thơ **"Câu cá mùa thu"**là gì?  
a. Giới thiệu quang cảnh thiên nhiên nơi tác giả sống.  
b. Nêu lên sự đánh giá của tác giả về sự vật, hiện tượng xung quanh mình.  
c. Miêu tả thần thái mùa thu ở một làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ.  
d.Miêu tả một kiểu câu cá của nhà thơ.

**Câu hỏi 2:** Nét nghĩa nào sau đây phù hợp với từ **lơ lửng**?  
a. Nổi lên thành những vệt,những nếp nhăn nhỏ thoáng thấy qua trên bề mặt phẳng.  
b. Di chuyển hoặc biến đổi trạng thái một cách rất nhanh,chỉ trong khoảnh khắc,đến mức như có muốn làm gì cũng không thể kịp.  
c. Ở trạng thái di động nhẹ ở khoảng giữa, lưng chừng,không dính vào đâu, không bám vào đâu.  
d. Cách đánh mức hoặc mức độ hoạt động không gây ra tiếng ồn hoặc một chuyển động có thể làm ảnh hưởng không khí yên tĩnh chung.

**Câu hỏi 3:** **Vắng teo** nghĩa là gì?  
a. Vắng vẻ và lặng lẽ.  
b. Rất vắng, không có hoạt động của con người.  
c. Vắng vẻ và thưa thớt.  
d. Không có mặt ở nơi lẽ ra phải có mặt.

**Câu hỏi 4:** Cảnh vật mùa thu được nhắc đến trong sáu câu thơ đầu có đặc điểm gì?  
a. Vừa sinh động vừa giàu sức sống.  
b. Vừa trong vừa tĩnh lặng.  
c. Vừa lạnh lẽo vừa hiu hắt.  
d. Vừa tươi tắn vừa mát mẻ.

**Câu hỏi 5:** Câu thơ thứ sáu trong bài thơ có sử dụng mô típ **ngõ trúc vắng teo** trong thơ cổ. Mô típ này dùng để nói về điều gì?  
a. Cảnh thiên nhiên tĩnh lặng.  
b. Nhà (ai đó ) vắng người.  
c. (Ai đó) không làm quan.  
d. Nhà (ai đó ) rất nghèo

-   HS thực hiện nhiệm vụ:

-  HS báo  cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: